TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Văn Trung, bà Vũ Thị Mai.
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 63/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lăng Thị Mỹ L, sinh năm 2003. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số căn cước: 024303013774.

- *Bị đơn:* anh Lưu Văn T, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Số căn cước: 024201009577.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Lăng Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Lưu Văn T kết hôn với nhau năm 2021, trước khi kết hôn, chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới, chị L về chung sống với anh T ngay tại Tổ dân phố V, phường C. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình hôn nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh

tế gia đình nên thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả, chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có 01 con chung là cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2019, hiện cháu đang sống cùng anh T, Ly hôn, chị có nguyện vọng để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản làm việc và biên bản xác minh của Tòa án, bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột anh T có trình bày: là mẹ đẻ của anh Lưu Văn T, năm 2021 gia đình bà tổ chức cưới cho anh T và chị Lăng Thị Mỹ L, trước khi kết hôn, anh T và chị L có được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường C, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới, chị L về chung sống với anh T ngay, vợ chồng anh T sống cùng với bà, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay ghen tuông, không cùng quan điểm sống trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến hay cãi nhau, đánh nhau. Chị L đã sống ly thân anh T được 04 năm đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L đề nghị ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Lưu Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2019. Hiện nay, đang ở với anh T và bà, anh T và chị L ly hôn, bà có nghe anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giao dục, về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh T và chị L không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung.

Hiện nay, anh T đi công nhân dưới Bắc Ninh, địa chỉ cụ thể anh T không nói cho bà biết, anh T sáng đi làm bằng xe đưa đón công nhân, tối lại về gia đình bà nghỉ ngơi. Bà có nói với anh T về việc chị L đề nghị Tòa án ly hôn cho anh T biết, anh T có nói với bà là anh T nhất trí ly hôn với chị L, về con chung, anh T có

nguyện vọng được nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bằng lời trình bày này, bà xin nhận thay anh T tất cả văn bản tố tụng và cam kết giao lại cho anh T theo đúng quy định pháp luật. Bà đã đưa tất cả văn bản tố tụng tống đạt cho anh T. Bà đã giao toàn bộ văn bản cho anh T theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 6, Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho chị Lăng Thị Mỹ L và anh Lưu Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Lưu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2019. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Về án phí: chị Lăng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lăng Thị Mỹ L vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, anh Lưu Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại phường C, tỉnh Bắc Ninh, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28,

khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tung dân sự.

[3] Về Nội dung: chị Lăng Thị Mỹ L và anh Lưu Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là UBND phường C, tỉnh Bắc Ninh) ngày 30/12/2021. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, Hội đồng xét xử thấy: chị L xác định vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Anh T có biết việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2019. Chị L có nguyện vọng để anh T nuôi dưỡng con chung, anh T không trình bày quan điểm do không đến Tòa án làm việc nhưng qua xác minh qua bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh T cho thấy do anh T bận công việc không đến tòa được nhưng anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đ. Cháu Đ hiện nay đang sinh sống cùng anh T và bà nội, được chăm sóc đầy đủ và ổn định. Do vậy cần giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: chị Lăng Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025

về sử đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lăng Thị Mỹ L.

1. Cho chị Lăng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lưu Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lưu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2019 cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Lăng Thị Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lăng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004684 ngày 16/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh. Xác nhận chị L1 nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu